TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNST
Ngày: 19/01/2021
V/v:" Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phước
2. Ông Nguyễn Thanh V

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà La Thị Thuý Vi –Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành - Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 474/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc: ***" Ly hôn"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn:

Bà Lê Thị Kim V, sinh năm 1969 (Có mặt).

HKTT: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Bị đơn:

Ông Quách Văn C, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

HKTT: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2020, bản tự khai, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Kim V trình bày:

Bà V và ông Quách Văn C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 và không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông C không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu về mắng chửi vợ con, đập phá đồ đạc trong nhà. Nhiều lần bà V đã yêu cầu công an xã Tam phước can thiệp nhưng ông C vẫn tiếp tục uống rượu và hành hung bà V. Nay bà V không thể tiếp tục chung sống với ông C, yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn ông C nhằm chấm dứt quan hệ vợ chồng với ông C.

Về con chung: Có 02 con chung là Quách Thành D sinh ngày 03/4/1998 và Lê Thanh D sinh 01/5/1999 đã trưởng thành

Về tài sản chung: Tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai biên bản hoà giải ngày 03/12/2020, bị đơn ông Quách Văn C trình bày: ông C và bà V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 và không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, ông C có thường uống rượu nhưng không đánh đập vợ con. Ông C không đồng ý ly hôn, đề nghị Toà giải quyết theo luật định.

Về con chung: có 02 con chung là Quách Thành D sinh ngày 03/4/1998 và Lê Thanh D sinh ngày 01/5/1999 đã trưởng thành

Về tài sản chung: Ông C và bà V có tài sản chung là nhà đất tại xã Tam Phước Châu Thành Bến Tre. Ông C không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung. Ông C sẽ tự thoả thuận giải quyết với bà V, nếu không thoả thuận giải quyết được, ông C sẽ yêu cầu Toà án giải quyết sau.

Về nợ chung: Không có.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành có quan điểm*:

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 53 Luật HNGĐ 2014 đề nghị HĐXX tuyên bố không công nhận bà Lê Thị Kim V và ông Quách Văn C là vợ chồng. Tài sản chung: tự thoả thuận nên ghi nhận. Nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, quan điểm Đại diện VKSND huyện Châu Thành, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Quách Văn C được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ 2 để dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông C là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông C chung sống như vợ chồng từ năm 1997 và đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Theo như bà V, ông C trình bày thì trong quá trình chung sống với nhau, ông C thường uống rượu và lớn tiếng với vợ con. Nay bà V yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông C để chấm dứt quan hệ vợ chồng với ông C.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà V và ông C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, mặc dù có đủ diều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng đến nay bà V và ông C vẫn không đăng ký kết hôn. Căn cứ vào Điểm b, Mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH- 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Tòa án không công nhận bà V và ông C là vợ chồng.

Về con chung: Có hai con chung tên Quách Thành D sinh ngày 03/4/1998 và Lê Thanh D sinh 01/5/1999 đã trưởng thành nên Toà án không xem xét.

Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên ghi nhận.

Về nợ chung: Hai bên khai không có.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng các Điều 147, 227, 232, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số: 35/2000/QH-10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị Kim V và ông Quách Văn C là vợ chồng.

2. Về con chung: Có hai con chung tên Quách Thành D sinh ngày 03/4/1998 và Lê Thanh D sinh 01/5/1999 đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên ghi nhận.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có.

5. Về án phí:

Án phí HNST: Bà V phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*. Số tiền án phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* mà bà V đã nộp theo biên lai thu số 0001438 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Bà V đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Bà V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Ông C được quyền kháng cáo trong hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***** *Nơi nhận:*
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *Các bên đương sự;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *UBND xã Tam Phước ;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phượng